

ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TIẾNG ANH VÀ PHẦN MỀM HỖ TRỢ DẠY HỌC

Nguyễn Việt Hùng*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài: 02/08/2017; Hoàn thành phân biên: 10/08/2017; Duyệt đăng: 21/08/2017

Tóm tắt: Bài viết này nhằm công bố những số liệu về sự hài lòng của giáo viên và giảng viên và so sánh sự hài lòng của họ về Chương trình khung của Chương trình bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giáo viên tiểu học và Trung học cơ sở thuộc Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020. Chúng tôi sử dụng 2 bảng câu hỏi khảo sát, gồm các câu hỏi đóng theo thang 5 bậc Likert và các câu hỏi mở, phát cho 5037 giáo viên tiếng Anh tại các sở GD-ĐT và 180 giảng viên các trường đại học trong cả nước. Các chỉ số phân tích mô tả đã chứng tỏ Chương trình bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu của người học. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ giáo viên và giảng viên không hài lòng với Chương trình khung, và muốn có những thay đổi nhất định.

Từ khóa: chương trình khung, bổ sung, đánh giá, hài lòng

1. Mở đầu

Chương trình bồi dưỡng (CTBD) năng lực tiếng Anh và phần mềm hỗ trợ dạy học (NLTA&PM) dành cho giáo viên tiểu học (TH) và trung học cơ sở (THCS) thuộc Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 (ĐA NNQG 2020) bao gồm các kỹ năng ngôn ngữ thuộc 6 cấp độ khác nhau theo khung tham chiếu Châu Âu (400 tiết học/cấp độ, bao gồm: Từ vựng-ngữ pháp, Đọc, Viết, Nghe, Nói, Công nghệ thông tin). Chương trình (CT) khung của CTBD này được ĐA NNQG 2020 giao Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN-ĐHQG HN) xây dựng, đã hoàn thành và nghiệm thu vào tháng 8 năm 2012, và sau đó đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) phê duyệt. Dựa vào CT khung này, các trường cao đẳng, đại học tham gia bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giáo viên (GV) đã chủ động biên soạn bộ giáo trình và tài liệu bồi dưỡng riêng mang đặc trưng của từng trường.

Về mặt lý luận giáo dục, việc đánh giá chương trình được đặc biệt coi trọng để chương trình có tính ổn định và lâu dài và được thực hiện thường xuyên trong các cơ sở giáo dục tiên tiến (Kiely & Rea-Dickins, 2005; Tucker & Stronge, 2005). Theo Kiely và Rea-Dickins (2005), để đánh giá một chương trình giáo dục cần quan tâm đầu tiên đến việc liệu chương trình khung có đạt mục tiêu của chương trình giáo dục ấy hay không và sau đó là liệu có sự phù hợp giữa tài liệu sử dụng với mục tiêu của chương trình giáo dục không, đây cũng là quan điểm của Byrd (2001).

Trong dự án nghiên cứu lớn, để đánh giá sự hài lòng của các đối tượng liên quan đối với CTBD NLTA&PM, nghiên cứu cần hoàn thành các mục tiêu cụ thể: (1) quan điểm đánh giá của các đối tượng liên quan về CT khung, về giáo trình và tài liệu bồi dưỡng, về năng lực tiếng Anh của người học sau khi tham gia CTBD, và về phần mềm hỗ trợ học tập, (2) điểm tương đồng và khác biệt trong quan điểm đánh giá của các nhóm đối tượng khảo sát, và (3) thứ tự các yếu tố cần tác động để nâng cao điểm số hài lòng của các đối tượng.

* nguyenviethungvnu@gmail.com

Trong bài viết này, tác giả chỉ nhằm mục đích diễn giải ý kiến đánh giá về CT khung của hai đối tượng GV tham gia bồi dưỡng và giảng viên thực hiện bồi dưỡng, và so sánh điểm số đánh giá về CT khung giữa các nhóm đối tượng, đồng thời tìm hiểu những đề xuất xem cần thay đổi bổ sung những gì để CT khung hoàn thiện hơn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong dự án nghiên cứu lớn, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra khảo sát trực tuyến để tìm hiểu quan điểm của GV tham gia bồi dưỡng và giảng viên trực tiếp giảng dạy. Phương pháp này giúp khảo sát ý kiến của số đông tham thê trên phạm vi rộng và ít gây tốn kém về thời gian và chi phí (Cohen, Manion & Morrison, 2007; Nguyễn Việt Hùng, 2015; Trochim, 2005). Các bảng câu hỏi khảo sát được mã hóa và đưa lên trang mạng của Trường ĐHNN - ĐHQGHN, sau đó được chuyển cho các đối tượng thông qua nhân sự phụ trách Đề án NNQG 2020 tại các trường CĐ, ĐH và các sở GD-ĐT. Bảng câu hỏi khảo sát dành cho giáo viên gồm 4 miền đo cụ thể: Q10 (đánh giá về khía cạnh CT khung của CTBD NLTA&PM) có 10 tiểu mục câu hỏi, Q11 (đánh giá về giáo trình, tài liệu bồi dưỡng CTBD NLTA&PM) có 6 tiểu mục câu hỏi, Q12 (giáo viên tự đánh giá về năng lực tiếng Anh của bản thân sau khi tham gia bồi dưỡng CTBD NLTA&PM) có 9 tiểu mục câu hỏi, và Q14 (đánh giá về phần mềm hỗ trợ học tập nâng cao năng lực tiếng Anh của CTBD) có 7 tiểu mục câu hỏi. Tổng số tiểu mục câu hỏi của cả bảng hỏi này là 32. Bảng câu hỏi khảo sát dành cho giảng viên dạy CTBD gồm 3 câu hỏi lớn (miền đo): Q9 (đánh giá về nội dung CT khung của CTBD NLTA&PM) có 8 tiểu mục câu hỏi, Q10 (đánh giá về giáo trình, tài liệu bồi dưỡng của CTBD NLTA&PM) có 6 tiểu mục câu hỏi, và Q11 (giảng viên đánh giá về CTBD NLTA sau khi tham gia CTBD của giáo viên tiểu học) có 8 tiểu mục câu hỏi. Tổng số tiểu mục câu hỏi của cả bảng hỏi này là 22. Trước khi sử dụng các bảng hỏi cho điều tra chính thức, tất cả các bảng câu hỏi đều được điều tra thử nghiệm để kiểm tra độ tin cậy và độ hiệu lực (Coffey & Atkinson, 1996; Frazer, 2000; Fulcher, 2007). Về độ tin cậy Cronbach's Alpha (α), tất cả các bảng hỏi và các miền đo (Q) trong các bảng hỏi đều đạt giá trị lớn hơn 0.9. Về độ hiệu lực, tất cả các bảng hỏi và các miền đo (Q) đều đồng cấu trúc vì phép kiểm định KMO và Bartlett's Test cho kết quả sig < 0.05 và mỗi miền đều chiết xuất được một nhân tố cấu trúc (Nguyễn Việt Hùng, 2015). Trong bài viết này chúng tôi chỉ quan tâm trình bày phần khảo sát định lượng thông qua các bảng hỏi (Miền đo Q10 với 10 câu hỏi của Bảng câu hỏi khảo sát dành cho giáo viên tiểu học và THCS và Miền đo Q9 với 8 câu hỏi của Bảng câu hỏi khảo sát dành cho giảng viên cao đẳng đại học) và phần ý kiến nhận xét đề xuất thông qua câu hỏi mở "Thầy/Cô có nhận xét, đề xuất gì về CT khung của CTBD NLTA&PM để nâng cao chất lượng bồi dưỡng trong thời gian tới?" để tìm hiểu quan điểm của hai đối tượng GV và giảng viên về CT khung của CTBD NLTA&PM.

Việc khảo sát được quan tâm và thực hiện trên phạm vi cả nước vì vậy kỹ năng quản lý quá trình điều tra, và các bộ câu hỏi khảo sát để thu được kết quả có giá trị đã được quan tâm đúng mức, theo như ý kiến về kiểm tra đánh giá của Fulcher và Davidson (2007) và tiến hành khảo sát trên diện rộng của Salant và Dillman (1994). Với sự hỗ trợ từ trung ương của tập thể lãnh đạo ĐA NNQG 2020 và từ địa phương của các trường đại học, cao đẳng và các sở GD-ĐT, việc khảo sát trong nghiên cứu này được tiến hành thuận lợi. Trong quá trình khảo sát, nhóm nghiên cứu luôn bám sát thực tiễn và kịp thời hướng dẫn đến tận các đối tượng tham gia khảo sát. Tổng số có 5037 GV thụ hưởng CTBD, và 180 giảng viên tham gia CTBD trả lời cho bảng câu hỏi khảo sát dành riêng cho từng đối tượng. Đặc điểm của khách thể nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Tiêu chí		Giáo viên		Giảng viên	
		Tần suất	Phần trăm	Tần suất	Phần trăm
Giới tính	Nam	962	19,1%	23	12,8%
	Nữ	4075	80,9%	157	87,2%
Vùng tỉnh	Tây Bắc	412	8,2%		
	Việt Bắc	744	14,8%		
	Đông Bắc bộ	1662	33,0%		
	Bắc Trung bộ	764	15,2%		
	Tây Nguyên	103	2,0%		
	Đông Nam bộ	944	18,7%		
	Tây Nam bộ	408	8,1%		
Trường ĐH/CD đang công tác	Cao đẳng Hải Dương			2	1,1%
	Đại học Đồng Tháp			11	6,1%
	Đại học Hà Nội			27	15,0%
	Đại học SPKT Hưng Yên			10	5,6%
	Đại học Tây Bắc			3	1,7%
	Đại học Tây Nguyên			6	3,3%
	Đại học Thái Nguyên			19	10,6%
	Đại học Vinh			16	8,9%
	ĐHNN – ĐHQGHN			45	25,0%
	Đại học Sư phạm Hà Nội			24	13,3%
	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh			17	9,4%
Thâm niên	Dưới 10 năm	932	18,5%	115	63,9%
	Trên 10 năm	1276	25,3%	51	28,3%
	Trên 20 năm	2829	56,2%	14	7,8%
Bằng cấp	Cao đẳng	1074	21,3%		
	ĐH tại chức	3050	60,6%		
	ĐH chính quy	887	17,6%	51	28,3%
	Thạc sĩ	20	0,4%	126	70,0%
	Tiến sĩ	6	0,1%	3	1,7%
Khu vực sinh sống	KV1	1202	23,9%		
	KV2-NT	2625	52,1%		
	KV2, KV3	1210	24,0%		
Năm bồi dưỡng	2011	437	8,7%		
	2012	1871	37,1%		
	2013	2729	54,2%		
Kinh nghiệm tham gia bồi dưỡng	Đã từng tham gia các CTBD khác			144	80,0%
	Chưa từng tham gia các CTBD khác			36	20,0%
Tổng cộng		5037	100%	180	100%

Các bảng số liệu thu thập được dưới dạng excel được lọc bỏ các phiếu đánh giá trùng lặp, không đúng đối tượng; các biến về thông tin nền như tỉnh, trường công tác cũng được chỉnh lại cho thống nhất về cách viết (Nguyễn Việt Hùng, 2015). Tất cả các biến thông tin nền sau đó được mã hóa về dạng số giống như các câu hỏi khảo sát chính trước khi đưa vào phần mềm SPSS 16.0 để xử lý số liệu (Bachman, 2004; Cohen, Manion & Morrison, 2007; Creswell, 2005). Các phép phân tích mô tả cho ra các chỉ số đánh giá về mức độ hài lòng như giá trị trung bình, trung vị, trung tuyến, độ lệch chuẩn, độ tin cậy tương quan trong từng câu hỏi; ngoài ra là chỉ số về độ thoải, độ trôi, phân phối chuẩn... của toàn bảng hỏi và các miền đo trong bảng hỏi. Các phép phân tích suy luận được sử dụng trong đề tài này gồm T-Test và ANOVA để so sánh giá trị trung bình giữa các nhóm đối tượng khảo sát khác nhau. Các số liệu thu được sau khi phân tích sẽ được kiểm tra để lọc ra các thông số có ý nghĩa để xây dựng các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích số liệu ở giai đoạn sau.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Qua điều tra chúng tôi nhận thấy giữa GV và giảng viên có sự thống nhất tương đối trong ý kiến đánh giá về CT khung của CTBD NLTA&PM nói riêng và về CTBD NLTA&PM. Nhìn chung những đánh giá này đều có xu hướng tích cực, thể hiện sự hài lòng với những kết quả mà CTBD đã mang lại cho GV tiểu học và THCS ở các trường. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những ý kiến chưa thật hài lòng với những nội dung của CTBD. Do đó vấn đề đặt ra là CTBD cần phải được xem xét, hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Các số liệu đánh giá cụ thể được trình bày dưới đây:

3.1. Đánh giá chung của GV về CTBD NLTA&PM và CT khung của CTBD

Đánh giá chung của GV về CTBD NLTA&PM và CT khung của CTBD NLTA&PM được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2. Đánh giá chung của GV về Khung chương trình bồi dưỡng NLTA&PM

	Không đồng ý		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
	Tần suất	Phần trăm (%)	Tần suất	Phần trăm (%)	Tần suất	Phần trăm (%)
Bảng hỏi tổng	434	8,3%	2796	55,7%	1807	36%
Chương trình khung	576	11,4%	2208	43,8%	2253	44,8%

Về bảng hỏi tổng, có 1807 GV (chiếm 36%) hoàn toàn ủng hộ CTBD NLTA& PM, 2796 GV đồng ý với CTBD, chỉ có 434 GV (chiếm 8,3%) phản đối. Chi tiết hơn về sự hài lòng đối với CT khung, Giáo trình, tài liệu, Năng lực tiếng, Phần mềm hỗ trợ như sau: 2253 GV (chiếm 44,8%) hoàn toàn đồng ý với CT khung, 2208 GV (chiếm 43,8%) đồng ý giữ nguyên CT khung, 576 GV (chiếm 11,4%) muốn thay đổi CT khung. Như vậy, có thể thấy hầu hết GV tham gia các khóa bồi dưỡng tán thành với CTBD và CT khung của CTBD này, chỉ có khoảng trên dưới 10% phản đối. Đây là tín hiệu đáng mừng cho những trường đại học và cao đẳng tham gia ĐA NNQG 2020, và những giảng viên trực tiếp giảng dạy. Tuy nhiên GV vẫn có những đề xuất nhất định nhằm giúp CT khung của CTBD tốt hơn, cụ thể các ý kiến được thể hiện trong phần trả lời câu hỏi mở “Thầy/Cô có nhận xét, đề xuất gì về CT khung của CTBD NLTA&PM để

nâng cao chất lượng bồi dưỡng trong thời gian tới?”

Tỉ lệ GV trả lời câu hỏi mở về những nhận xét đối với CT khung của CTBD NLTA&PM ở mức trung bình, chỉ có 2999/5037 GV trả lời các câu hỏi mở này, chiếm 59,4%. Trong đó nhóm không tán thành CTBD này chiếm 12,84% số người đưa ra câu trả lời đối với câu hỏi mở, điều này tương thích với kết quả trong câu hỏi định lượng thang 5 bậc. Các nhóm ý kiến đề xuất cụ thể được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Nhận xét của GV về Khung chương trình bồi dưỡng NLTA&PM

	Ý kiến nhận xét	Tần suất	Phần trăm
CT tốt, phù hợp	Không có ý kiến gì thêm/không cần thay đổi	2106/2999	70,22%
	Rất phù hợp, rất có ích, rất tốt	2083/2999	69,46%
Đảm bảo chuẩn đầu ra có thể đạt được	CT nên đảm bảo được đầu ra - đạt chuẩn Châu Âu	429/2999	14,30%
	Xin hạ chuẩn cho GV THCS xuống B1	257/2999	8,57%
CT cần phù hợp với thực tế và nhu cầu của GV	CT cần phù hợp với thực tế, bám sát vào nội dung kiến thức sách giáo khoa (SGK) THCS	312/2999	10,40%
	CT bồi dưỡng Tiếng Anh cần phù hợp với GV ở từng vùng, từng địa phương	332/2999	11,07%
Cần bố trí giảng viên phù hợp	Cần phải có giảng viên nước ngoài (người bản ngữ) tham gia trực tiếp giảng dạy	515/2999	17,17%
	Cần bố trí giảng viên phù hợp với từng kỹ năng	809/2999	26,98%
Cần phân bố thời gian phù hợp	Cần kéo dài thêm thời gian để học viên có điều kiện ôn tập, trau dồi kiến thức	269/2999	8,97%
	Cần bố trí thời gian học tập phù hợp hơn.	346/2999	11,54%
	Cần dành nhiều thời gian cho kĩ năng nghe và nói	835/2999	27,84%
CT cần phù hợp với thi cử	Cần biên soạn CT bồi dưỡng cho phù hợp với đề thi	832/2999	27,74%
	Nên cho học viên được tiếp xúc với các dạng bài viết ngay từ đầu	882/2999	29,41%
	Nên tổ chức các đợt thi thử với hình thức giống hệt như bài thi thật	607/2999	20,24%
Bổ sung thêm module	Cần bổ sung CT học online	281/2999	9,37%
	Cần bổ sung CT nghiệp vụ sư phạm	127/2999	4,23%
Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần đảm bảo	Cơ sở vật chất và chất lượng băng đĩa cần tốt hơn.	578/2999	19,27%
CT chưa phù hợp	Không đồng ý, vì CT chưa phù hợp	385/2999	12,84%

Theo Bảng 3, các ý kiến đánh giá về CT khung của CTBD NLTA&PM có thể chia thành các nhóm: (1) không có ý kiến đề xuất gì thêm vì CT có ích và phù hợp; (2) đề xuất cần đảm bảo chuẩn đầu ra có thể đạt được; (3) đề xuất về việc CT khung của CTBD NLTA&PM cần bám sát đối tượng; (4) đề xuất về giảng viên tham gia bồi dưỡng cần phù hợp; (5) đề xuất về thời gian thực hiện bồi dưỡng; (6) đề xuất về sự phù hợp giữa CT khung của CTBD NLTA&PM và việc thi cử; (7) đề xuất về bổ sung các module học; (8) đề xuất về chất lượng băng đĩa; và (9) CT chưa phù hợp.

Với nhóm ý kiến thứ nhất (CT rất có ích và phù hợp), GV đã đánh giá khá tốt về hiệu quả của CT đối với việc nâng cao năng lực tiếng của bản thân, đặc biệt là các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Một số ý kiến đại diện cho khoảng 70% ý kiến về vấn đề này minh chứng cho điều đó:

CTBD hiện tại rất cần thiết cho GV Tiếng Anh để nâng cao năng lực tiếng. CT giúp cho các GV có cơ hội để ôn lại các kiến thức, và các kỹ năng như kỹ năng nghe, viết và nói. Chúng tôi rất cảm ơn về ĐA NNQG 2020, sau khi tham gia khóa học đó chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều điều (GV 1).

Nhìn chung, chương trình bồi dưỡng tiếng Anh của bộ mang lại cho giáo viên cơ hội tốt để hoàn thiện kiến thức cũng như kỹ năng ngôn ngữ. Sau một thời gian miệt mài học tập, tự bản thân tôi nhận thấy trình độ của mình được cải thiện rõ rệt, đặc biệt là các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết (GV 2).

Với nhóm đề xuất thứ 2, GV cho rằng chuẩn đầu ra của CT khung hơi cao, tạo ra áp lực thi cử lớn cho GV. Nếu muốn đạt được chuẩn mà không phải hạ chuẩn đầu ra cho GV, cần tăng cường thời gian bồi dưỡng. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 14,3% cho rằng chuẩn đầu ra hơi cao, cần tăng cường thời gian bồi dưỡng:

CT nên đảm bảo được đầu ra - đạt chuẩn Châu Âu. Đối với CT bồi dưỡng Tiếng Anh hiện đang sử dụng cần tăng cường thêm thời lượng bồi dưỡng các kỹ năng nghe, nói, đặc biệt là phần luyện phát âm. Bên cạnh đó cần cung cấp thêm những phần mềm, trang web hỗ trợ việc tự bồi dưỡng để GV có điều kiện tra dồi và tự bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho bản thân (GV 3).

Và đây là một ý kiến đại diện cho 8,57% ý kiến xin hạ chuẩn đầu ra cho GV:

Theo tôi CTBD tiếng Anh hiện đang sử dụng rất hay nhưng áp lực của kì thi khá nặng nề. Nếu có thể thay đổi thì nên đưa CT này vào CTBD thường xuyên mà người học không phải chịu áp lực của kì thi. Hoặc xin Đề án cho các GV cấp bậc trung học cơ sở chỉ đạt đến trình độ B1 là đạt chuẩn (GV 4).

Với nhóm đề xuất thứ 3, GV cho rằng CT khung của CTBD NLTA&PM cần bám sát đối tượng phù hợp với GV ở các vùng, địa phương khác nhau. Ngoài ra CT cũng nên tăng cường kỹ năng giao tiếp hơn và bám sát vào nội dung kiến thức SGK THCS. Ý kiến này cho thấy rằng GV thực sự muốn học được những kiến thức liên quan trực tiếp tới bài dạy của họ hàng ngày nhằm nâng cao chất lượng dạy học sau khóa bồi dưỡng.

Sau đây là một ý kiến đại diện cho 11,07% cho rằng CT nên tăng cường kỹ năng giao tiếp:

Cần thiết kể CT bám sát thực tế và tăng cường kỹ năng giao tiếp hơn. Có những lớp tập huấn thường xuyên để tra dồi kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ. Nâng cao trình độ kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng của những cán bộ phụ trách bộ môn của Phòng hay Sở giáo dục (GV 5).

Sau đây là một vài ý kiến đại diện cho 10,4% cho rằng CT cần bám sát đối tượng phù hợp với GV ở các vùng, địa phương khác nhau, và nên bám sát vào nội dung kiến thức SGK THCS:

CT bồi dưỡng tiếng Anh cho GV cần thiết kể phù hợp với GV ở từng vùng, từng địa phương. CT cũng nên bám sát vào nội dung kiến thức SGK THCS và có phần nâng cao để phù hợp với từng đối tượng học sinh (GV 6).

...Hơn nữa chúng tôi là GV giảng dạy tiếng Anh ở vùng núi cả năm không được nghe ai nói một từ tiếng Anh nào cả, học sinh thì nói chủ yếu là tiếng Thái, H'Mông nên việc tự học là rất khó khăn. Là một GV đứng lớp khá lâu, tôi thấy học sinh của chúng tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc học ngoại ngữ, đa số các em nói ngọng và không có cơ hội để thực hành vì vậy tôi mong rằng

Bộ GD và ĐT có chương trình phù hợp với đối tượng học sinh miền núi, để các em không thấy sợ học tiếng Anh (GV 7).

Với nhóm đề xuất thứ 4, GV muốn đối tượng giảng viên tham gia bồi dưỡng có cả người bản ngữ nhằm tạo ra môi trường tiếng để rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Ý kiến này cho thấy rằng nhu cầu giao tiếp thực với người bản ngữ không chỉ là nhu cầu, mơ ước của học sinh học tiếng Anh mà cũng là nhu cầu của GV dạy tiếng Anh. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 17,17% GV nêu ý kiến về việc cần có giảng viên người bản ngữ tham gia bồi dưỡng:

Cần có giảng viên bản ngữ trong quá trình tham gia bồi dưỡng: Theo tôi, cần cho GV tiếng Anh được tiếp xúc với môi trường tiếng Anh thực sự như thuê GV nước ngoài về giảng dạy (GV 8).

Đặc biệt có tới 26,98% GV đề nghị cần bố trí giảng viên phù hợp với từng kỹ năng, đặc biệt là giảng viên dạy kỹ năng nghe. Điều này cho thấy GV rất quan tâm và lo lắng tới việc rèn luyện kỹ năng nghe; qua các cuộc phỏng vấn, đây cũng được cho là kỹ năng thi khó nhất đối với GV. Sau đây là một ý kiến đại diện cho vấn đề này:

Kỹ năng đọc có quá nhiều từ mới, vì vậy việc đọc để suy đoán đưa ra đáp án đúng là khó. Kỹ năng nghe chưa có nhiều bài đa dạng, Cần có những GV có kỹ năng nghe thật tốt để về tập huấn (GV9).

Với nhóm đề xuất thứ 5, GV cho rằng thời gian thực hiện bồi dưỡng còn quá ngắn nên việc thực hành còn ít, chưa củng cố được kiến thức và kỹ năng đã học. Điều này có thể làm giảm khả năng tiếp thụ của các đối tượng GV nông thôn miền núi, và ảnh hưởng tới chất lượng thi chuẩn đầu ra.

Sau đây là một vài ý kiến đại diện cho khoảng 10% cho rằng CT nên bố trí thời gian phù hợp tăng thêm thời gian để học viên có điều kiện ôn tập, trau dồi kiến thức:

Cần tạo điều kiện và thời gian cho GV được tham gia các lớp học bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn để GV có điều kiện ôn tập, trau dồi kiến thức. Cần có thời gian bồi dưỡng dài hơn để các GV công tác lâu năm tại các vùng nông thôn kịp thời tích lũy những kiến thức đã mai một (GV 10).

Mục tiêu của CT thì tốt, nhưng thời gian chúng tôi được tham gia bồi dưỡng lên trình độ B2 chỉ vắn vắn 1,5 tháng, và chủ yếu vẫn chưa rèn luyện kỹ năng nghe, nói viết được nhiều. Các giảng viên dạy bồi dưỡng cho chúng tôi đều rất nhiệt tình, nhưng thời gian rèn luyện như vậy theo tôi là chưa đủ (GV 11).

Bên cạnh đó, có đến 27,84% GV cho rằng cần dành nhiều thời gian cho kỹ năng nghe và nói.

CT có khả năng giúp người học đạt chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực tiếng Anh, song nội dung tập huấn khác với việc học ở trường sư phạm nên chúng tôi gặp nhiều khó khăn trong việc học tập đặc biệt là kỹ năng nghe Tiếng Anh. Cần dành nhiều thời gian hơn nữa để nâng cao kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe cho các học viên (GV12).

Với nhóm đề xuất thứ 6, GV cho rằng cần có sự phù hợp giữa CT khung của CTBD NLTA&PM với thi cử, vì hiện nay việc bồi dưỡng và thi cử chưa tương thích với nhau gây ra khó khăn cho GV khi tham gia các kì thi. Sau đây là một ý kiến đại diện cho khoảng 30% GV cho rằng CT nên bám sát các đề thi khảo sát hơn nữa:

Được tham gia lớp tập huấn tiếng Anh theo ĐA NNQG 2020 là rất bổ ích. Tài liệu bồi dưỡng rất đầy đủ và sát thực với người học. Tuy nhiên tôi thấy lượng kiến thức quá rộng, GV không bao quát được; khi khảo sát thì nội dung đề thi không dựa trên chương trình được bồi dưỡng nên cũng gây khó khăn cho người học cũng như kết quả đánh giá của họ. Do vậy, tôi muốn CTBD tiếng Anh cần bám sát các đề thi khảo sát hơn nữa (GV 13).

Và đây là một ý kiến đại diện cho khoảng 20% GV cho rằng nên tổ chức các đợt thi thử với hình thức giống hệt như bài thi thật:

CT nên cho học viên được tiếp xúc với các dạng bài viết ngay từ đầu. Bởi vì giai đoạn 2 học viên mới được học nên thời gian học hành quá ít. Ngoài ra, nên tổ chức các đợt thi thử với hình thức giống hệt như bài thi thật để học viên có được cọ sát, có kinh nghiệm khi làm bài thi thật (GV 14).

Với nhóm đề xuất thứ 7, GV muốn bổ sung thêm các module học. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 9,37% ý kiến của GV muốn bổ sung module học online và 4,23% GV muốn bổ sung thêm module bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm:

Theo ý kiến cá nhân, tôi đã được bồi dưỡng nhiều cả về năng lực ngôn ngữ lẫn chuyên môn nghiệp vụ. CT bồi dưỡng nên bổ sung thêm nội dung và thời lượng cho 5 modules bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là các phương pháp đổi mới trong giảng dạy từng kỹ năng ngôn ngữ cụ thể (GV 15).

Với nhóm đề xuất thứ 8, GV muốn tăng cường các cơ sở vật chất và chất lượng băng đĩa ngay tại các trường THCS để GV được thực hành ngay sau khóa bồi dưỡng. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 19,27% ý kiến về vấn đề này:

Đầu tư thêm thiết bị dạy học cho môn tiếng Anh ở các trường THCS đặc biệt là các trường ở vùng nông thôn. Tạo điều kiện cho GV được thực hành sau khi tham gia lớp bồi dưỡng này (GV 16).

Với nhóm đề xuất thứ 9, một số GV cho rằng CTBD chưa phù hợp. Đây là những ý kiến nhận xét mà 100% nội dung dành phê phán CTBD, tuy nhiên đó cũng là điều ĐA NNQG 2020 cần lắng nghe và xem xét vì đối tượng GV bồi dưỡng rất đa dạng về các điều kiện dạy học và điều kiện cá nhân vì thế mà có những nhu cầu đa dạng khác nhau. Sau đây là một số ý kiến đại diện cho 12,84 % ý kiến về vấn đề này:

CTBD tiếng Anh chưa phù hợp, với GV THCS sau khi được BDTA đạt chuẩn B2, kiến thức không được áp dụng thường xuyên nên có thể lại quay về như cũ. Không phát triển kỹ năng nghe, nói. CT nên thiết kế theo ngôn ngữ dễ hiểu, chủ đề liên quan không nên quá khó và đánh đố, nên sát thực với việc dạy học chứ không phải là học quá cao rồi lại bỏ không áp dụng cho thực tế chỉ mạng lại những áp lực nặng nề không cần thiết (GV 17).

Theo chúng tôi hàng năm có các chuyên đề tiếng Anh, không cần phải tập trung bồi dưỡng ở ạt như vừa rồi. Thi chứng chỉ B2, C1 kết quả lại không cao. Chúng tôi đã giảng dạy gần hai mươi năm kiến thức lâu không sử dụng kỹ năng nghe, nói, viết luận nhiều, chỉ sử dụng kỹ năng đọc và ngữ pháp cơ bản chứ không nâng cao vì kiến thức sách giáo khoa chỉ có vậy. Nếu sách giáo khoa mới mà bắt buộc dạy 4 kỹ năng thì chúng tôi bắt buộc phải dạy, nhưng thực tế các trường học phần lớn chưa có phương tiện nghe nhìn và các khối học cũng còn nhiều học sinh chưa đọc thông viết thạo tiếng Việt (GV 18).

3.2. Đánh giá chung của giảng viên về CTBD NLTA&PM và CT khung của CTBD

Đánh giá chung của giảng viên về CTBD NLTA&PM và CT khung của CTBD

NLTA&PM được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 4. Số liệu thống kê về đánh giá chung của giảng viên dành cho CTBD NLTA&PM

	Không đồng ý		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
	Tần suất	Phần trăm (%)	Tần suất	Phần trăm (%)	Tần suất	Phần trăm (%)
Bảng hỏi tổng	46	25,6%	115	63,9%	19	10,5%
Chương trình khung	21	11,7%	88	48,9%	71	39,4%

Về bảng hỏi tổng, có 19 giảng viên (chiếm 10,5%) hoàn toàn ủng hộ CTBD NLTA& PM, 115 giảng viên đồng ý với CTBD, tuy nhiên vẫn có 46 giảng viên (chiếm 25,6%) phản đối. Chi tiết hơn về sự hài lòng đối với CT khung, Giáo trình, tài liệu, Năng lực tiếng, Phần mềm hỗ trợ như sau: 71 giảng viên (chiếm 39,4%) hoàn toàn đồng ý với CT khung, 88 giảng viên (chiếm 48,9%) đồng ý giữ nguyên CT khung, 21 giảng viên (chiếm 11,7%) muốn thay đổi CT khung. Như vậy, có thể thấy đa số giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng tán thành với CT khung của CTBD này, chỉ có khoảng trên dưới 10% phản đối. Đây là dấu hiệu khẳng định Chương trình khung khá ổn để sử dụng bồi dưỡng cho GV. Tuy nhiên vẫn có những đề xuất nhất định từ phía giảng viên nhằm giúp CT khung của CTBD tốt hơn. Các ý kiến cụ thể đó được thể hiện trong câu trả lời câu hỏi mở “Thầy/Cô có nhận xét, đề xuất gì về CT khung của CTBD NLTA&PM để nâng cao chất lượng bồi dưỡng trong thời gian tới?”

Tỉ lệ giảng viên trả lời câu hỏi mở về những nhận xét đối với CT khung của CTBD NLTA&PM khá cao, có 162/180 giảng viên đã trả lời câu hỏi này, chiếm 90%, một tỉ lệ rất cao, chứng tỏ sự quan tâm của giảng viên tới CT khung của CTBD mà mình đang thực hiện. Đặc biệt trong đó, không có ý kiến trực tiếp nào không tán thành CT khung của CTBD này. Như vậy khả năng hơn 10% số người không tán thành ở kết quả của câu hỏi định lượng thang 5 bậc trình bày trong Bảng 4 đã chỉ đưa ra sự không hài lòng đối với từng vấn đề cụ thể trong câu hỏi mở này, điều đó có nghĩa họ không muốn phủ định cả CT khung của CTBD như kết quả thống kê chung phần định lượng. Các nhóm ý kiến đề xuất cụ thể được trình bày trong Bảng 5:

Bảng 5. Nhận xét của giảng viên về Khung chương trình bồi dưỡng NLTA&PM

	Ý kiến nhận xét	Tần suất	Phần trăm
CT tốt, phù hợp	Không cần thay đổi về nội dung CT	133/162	82,10%
	Rất phù hợp, rất có ích, rất tốt	125/162	77,16%
Đảm bảo chuẩn đầu ra có thể đạt được	Đảm bảo chuẩn đầu ra có thể đạt được	53/162	32,72%
Thống nhất CT và thi cử giữa các trường	ĐA NNQG 2020 nên thống nhất CT bồi dưỡng giữa các trường	42/162	25,93%
	Sử dụng bộ đề thi chung cho tất cả các cơ sở đào tạo	38/162	23,46%
CT khung của CTBD NLTA&PM cần bám	cần sát hơn với kiến thức và kỹ năng thực hành mà học viên giảng dạy hàng ngày	23/162	14,20%

	Ý kiến nhận xét	Tần suất	Phần trăm
sát đối tượng, phù hợp với thực tế và nhu cầu của GV	Cần sát với tiêu chí đánh giá của kỳ thi năng lực ngoại ngữ.	34/162	20,99%
Điều chỉnh CT, bổ sung thêm các module cần thiết	Biên soạn lại chương trình theo hướng mở	12/162	7,41%
	Bổ sung phần thực hành sát thực với thực tế giảng dạy của học viên hơn.	22/162	13,58%
	Tập trung hơn vào phần phát âm	36/162	22,22%
Quan tâm tới kiểm tra đánh giá và quản lý học viên	Nên phân loại và xếp lớp đúng trình độ của học viên, xác định năng lực ngôn ngữ hiện tại của từng cá nhân	27/162	16,67%
	Kiểm tra đầu vào cần tổ chức cả 4 kỹ năng	42/162	25,93%
	Cần kiểm tra chuyên cần của học viên	29/162	17,90%
Cần tạo điều kiện cho học viên có thời gian và điều kiện bồi dưỡng phù hợp	Chú ý những yếu tố khác để tạo điều kiện cho người học tập trung bồi dưỡng	32/162	19,75%
	Thời gian học phù hợp hơn	31/162	19,14%
Cần bố trí giảng viên phù hợp	Cần phải có giảng viên nước ngoài (người bản xứ) tham gia trực tiếp giảng dạy	15/162	9,26%
	Giảng viên tham gia CT bồi dưỡng cần được tham quan, học hỏi, nâng cao trình độ ở nước ngoài	37/162	22,84%
Cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cần đảm bảo	Phần mềm hỗ trợ học tập và kiểm tra mức độ cải thiện ngôn ngữ của người học cần được sử dụng nhiều hơn	54/162	33,33%
	Chất lượng băng đĩa nên được đầu tư và cải thiện để đảm bảo kết quả tốt hơn.	41/162	25,31%
Nâng cao nhận thức của học viên về các khóa bồi dưỡng	Nâng cao nhận thức của học viên về các khóa bồi dưỡng để nâng cao chất lượng bồi dưỡng	59/162	36,42%

Theo Bảng 5, các ý kiến đánh giá về CT khung của CTBD NLTA&PM có thể chia thành các nhóm: (1) không có ý kiến đề xuất gì thêm vì CT có ích và phù hợp; (2) đề xuất đảm bảo chuẩn đầu ra của CT khung có thể đạt được; (3) đề xuất thống nhất CT và thi cử giữa các trường; (4) đề xuất về việc CT khung của CTBD NLTA&PM cần bám sát đối tượng, phù hợp với thực tế và nhu cầu của GV; (5) đề xuất điều chỉnh CT, bổ sung thêm các module cần thiết; (6) đề xuất quan tâm tới kiểm tra đánh giá và quản lý học viên; (7) đề xuất cần tạo điều kiện cho học viên có thời gian và điều kiện bồi dưỡng phù hợp; (8) đề xuất về giảng viên tham gia bồi dưỡng; (9) đề xuất về cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cần đảm bảo; (10) nâng cao nhận thức của học viên về các khóa bồi dưỡng

Với nhóm ý kiến thứ nhất, giảng viên cho rằng CT rất phù hợp và hiệu quả đối với việc nâng cao năng lực dạy học cho giảng viên. Một số ý kiến đại diện cho khoảng 80% ý kiến của giảng viên về vấn đề này:

CT hiện đang sử dụng là tương đối tốt. ĐA NNQG 2020 cần rút những kinh nghiệm thêm, bổ sung hoặc chỉnh sửa để có được một CT tốt hơn nữa sau những khóa bồi dưỡng (GV1).

CT bồi dưỡng tiếng Anh được thiết kế với mục tiêu rõ ràng, hợp lí, nội dung CT giúp người học nâng cao được kĩ năng ngôn ngữ. Tuy nhiên, khi thực hiện CT cần chú ý những yếu tố khác để tạo điều kiện cho người học tập trung bồi dưỡng tốt hơn (áp lực tâm lí, thời gian học tập... (GV2).

Với nhóm ý kiến thứ 2, giảng viên đề xuất về chuẩn đầu ra của CT khung cần phù hợp cho các đối tượng GV khác nhau. Sau đây là một vài ý kiến đại diện cho 32,72% ý kiến về vấn đề này:

Các nhóm GV với trình độ đa dạng, hoàn cảnh công tác khác biệt thuộc các khu vực khác nhau, sau một thời gian như nhau không thể đạt chuẩn như nhau. Cần xem xét phạm vi ứng dụng việc thi đạt chuẩn phù hợp với từng đối tượng do kiến thức học bồi dưỡng chênh lệch với thực tế quá lớn. Do vậy sau khi thi đạt chuẩn, học viên hầu như không sử dụng nhiều kiến thức vốn được coi là học thuật, bác học, nâng cao trong quá trình học (GV3).

CT bồi dưỡng và nội dung kiểm tra đầu ra cần sát hơn với kiến thức và kĩ năng thực hành mà học viên (GV cấp 1-2-3) ứng dụng trong công việc giảng dạy hàng ngày. Cần thiết kế có nội dung sát với tiêu chí đánh giá đầu ra của kỳ thi năng lực ngoại ngữ (GV4).

Với nhóm ý kiến thứ 3, giảng viên đề xuất ĐA NNQG 2020 nên thống nhất CTBD giữa các trường, và cần có sự phù hợp giữa CT khung của CTBD NLTA&PM với việc tổ chức thi cử, vì nếu CTBD và thi cử không tương thích với nhau sẽ gây ra khó khăn cho GV khi tham gia các kì thi. Giảng viên cũng đề xuất nên có một bộ đề thi chung cho tất cả các cơ sở đào tạo. Khi cần tổ chức thi các cơ sở có thể đặt hàng mua các bộ đề này.

Sau đây là một ý kiến đại diện cho khoảng 25,93% giảng viên cho rằng ĐA NNQG 2020 nên thống nhất CTBD giữa các trường cao đẳng đại học tham gia bồi dưỡng:

ĐA NNQG 2020 nên có những hướng dẫn cụ thể và kịp thời về thiết kế CTBD và cách đánh giá năng lực tiếng Anh để các trường thực hiện. Tránh trường hợp mỗi trường một kiểu (GV5).

Sau đây là một vài ý kiến đại diện cho khoảng 23,46% giảng viên cho rằng ĐA NNQG 2020 nên sử dụng bộ đề thi chung cho tất cả các cơ sở bồi dưỡng trên cả nước:

Nên có một bộ đề thi chung cho tất cả các cơ sở đào tạo. Khi cần tổ chức thi các cơ sở có thể đặt hàng mua các bộ đề này. Tăng cường cho các giảng viên trực tiếp tham gia CTBD GV được tham quan, học hỏi, nâng cao trình độ ở các nước nói tiếng Anh (GV6).

ĐA NNQG 2020 cần có sự thống nhất dùng chung một đề thi trên toàn quốc. Sau các đợt bồi dưỡng do ĐA NNQG 2020 lập kế hoạch thời gian, ấn định ngày thi và ĐA NNQG 2020 gửi đề thi về cho các cơ sở đào tạo để tiến hành thi đồng thời trong 01 ngày, quy định rõ thời gian thi và thứ tự từng kĩ năng. Như vậy sẽ có sự thống nhất đề thi và có thể tiết kiệm kinh phí ra đề. Từ đó, đầu tư hơn nữa cho công tác ra đề thi để nâng cao hiệu quả khảo thí (GV7).

Với nhóm ý kiến thứ 4, giảng viên đề xuất cần bổ sung phần thực hành sát thực với thực tế giảng dạy của học viên hơn. Giảng viên cho rằng CT khung của CTBD NLTA&PM cần có nội dung kiến thức phù hợp với GV ở các vùng, địa phương khác nhau (ý kiến của 14,2% giảng viên), và bám sát nội dung thi (ý kiến của 20,9% giảng viên). Sau đây là một ý kiến đại diện về vấn đề này:

CTBD cần phù hợp hơn với từng đối tượng học viên. Kiểm tra, đánh giá cần sát với nội dung trong tài liệu mà học viên được dạy, và thực hành trên lớp hơn. Tài liệu học cần bám sát dạng bài

thi hơn, đặc biệt là môn Việt. Giáo trình Real Writing có nhiều phần không liên quan đến chuẩn đầu ra nên GV phải tự soạn tài liệu rất mất thời gian (GV8).

Với nhóm đề xuất thứ 5, giảng viên muốn điều chỉnh CT nên biên soạn lại theo hướng mở, nên bổ sung thêm các module và bài học bám sát thực tế dạy học của GV và nên tăng cường dạy phát âm. Sau đây là một ý kiến đại diện cho khoảng 7,41% giảng viên cho rằng CT nên biên soạn lại theo hướng mở:

Nên biên soạn lại chương trình theo hướng mở để giảng viên có thể chủ động trong quá trình giảng dạy và có thể áp dụng dễ dàng và phù hợp cho các đối tượng người học khác nhau. Phần mềm Dyned cần tích hợp tài liệu ôn luyện thi 6 cấp độ để người học an tâm (GV9).

Sau đây là một ý kiến đại diện cho khoảng 22,22% giảng viên cho rằng CT nên tăng cường các bài luyện tập phát âm:

Tập trung hơn vào phần phát âm vì nhìn chung phát âm tiếng Anh của GV THCS và Tiểu học ở các tỉnh là chưa tốt. Thêm các bài tập dạy phát âm và nghe nói phù hợp với đối tượng GV cấp 2, cấp 3 hơn, để các anh chị GV có thể áp dụng trong quá trình giảng bài trên lớp (GV10).

Sau đây là một ý kiến đại diện cho khoảng 13,58% giảng viên cho rằng CT nên bổ sung phần học thực hành và thi cử sát thực với thực tế giảng dạy của học viên hơn:

Cần tăng cường kiến thức xã hội, ngôn ngữ cho các GV thông qua việc cung cấp hoặc áp dụng trong bài học và thi cử đánh giá bằng những bài đọc, nghe phù hợp với đối tượng là người Việt Nam vì nhiều bài đọc và bài nghe trong TOEFL không phù hợp với bối cảnh Việt Nam mà chủ yếu là những bài nói về Mỹ và việc du học ở môi trường Mỹ (GV11).

Với nhóm ý kiến thứ 6, giảng viên đề xuất cần quan tâm tới kiểm tra đánh giá phân loại học viên và quản lý học viên. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 16,67% giảng viên về việc nên phân loại và xếp lớp đúng trình độ của học viên, xác định năng lực ngôn ngữ hiện tại của từng cá nhân:

“Phân loại học viên theo trình độ dựa vào kết quả khảo sát ban đầu, sau đó có kế hoạch cho từng lớp học viên, có thể kéo dài thời gian học đối với những nhóm học viên có trình độ kém hơn” (GV12).

Sau đây là một ý kiến đại diện cho 17,9% giảng viên về việc nên kiểm tra chuyên cần của học viên khi tham gia bồi dưỡng:

“Thái độ của người học cần tích cực hơn, đặc biệt là việc chuyên cần đi học. Thực tế cho thấy nhiều học viên tham gia bồi dưỡng có hiện tượng bỏ giờ và nghỉ học giữa chừng” (GV13).

Với nhóm ý kiến thứ 7, giảng viên đề xuất cần tạo điều kiện cho học viên có thời gian và điều kiện bồi dưỡng phù hợp. Cần có khoảng thời gian dài hơn nữa để học viên tham gia bồi dưỡng củng cố được kiến thức và tự nghiên cứu nâng cao trình độ. Điều này có thể có lợi cho các đối tượng GV nông thôn miền núi, những người chịu nhiều thiệt thòi về điều kiện sống và dạy học hơn GV từ khu vực thành thị. Sau đây là một vài ý kiến đại diện cho khoảng gần 20% ý kiến về vấn đề này:

Thời gian học chưa phù hợp, các GV (người học) vẫn phải đi làm trong tuần (thậm chí phải tăng ca, tăng tiết để dạy cho đủ giờ trong tuần), cuối tuần lại phải đi học. Theo những phản hồi tôi

nhận được, họ không có thời gian cho việc ôn luyện kỹ năng tiếng, phục vụ thi đạt chuẩn đầu ra (GV14).

Nên rút ngắn thời gian trên lớp, chủ yếu hướng dẫn GV tự ôn tập hiệu quả ở nhà để tiết kiệm thời gian và không tạo nhiều áp lực trong công việc giảng dạy ở trường. Nên xóa bỏ các lớp bồi dưỡng chỉ học vào cuối tuần. Các học viên từ lớp này thường không thể học tập trung do luôn bị gián đoạn, dẫn đến việc không hiệu quả của cả khoá học. Lịch trình nên điều chỉnh để giai đoạn cuối - giai đoạn ôn thi nước rút, sát với format bài thi kéo dài hơn (GV15).

Với nhóm đề xuất thứ 8, giảng viên đề xuất về việc sử dụng giảng viên nước ngoài tham gia bồi dưỡng nhằm tạo ra môi trường tiếng để rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Ý kiến này cho thấy rằng giảng viên bồi dưỡng cũng nhận thấy cần cho học viên giao tiếp thực với người bản ngữ để tăng hứng thú và kỹ năng giao tiếp của học viên. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 9% ý kiến về vấn đề này:

Vì là học tiếng Anh nên kỹ năng nghe nói có lẽ nên có sự tham gia giảng dạy một thời lượng nhất định của các chuyên gia tiếng Anh bản địa nhằm giúp các GV dạy tiếng Anh của Việt Nam nâng cao khả năng phát âm và nghe nói được tự nhiên một cách nhanh và hiệu quả nhất (GV16).

Ngoài ra có tới 22,84 % giảng viên đề xuất GV tham gia CTBD cần được tham quan, học hỏi, nâng cao trình độ ở nước ngoài, và có cơ hội tiếp xúc với người bản ngữ:

Giảng viên đại học tiếng Anh cần được thường xuyên tiếp xúc người bản xứ để khả năng tiếng Anh được cải thiện thường xuyên, nhờ đó có thể nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy cần tăng cường cho các giảng viên trực tiếp tham gia CTBD được tham quan, học hỏi, nâng cao trình độ ở các nước nói tiếng Anh (GV17).

Với nhóm ý kiến thứ 9, giảng viên đề xuất đề xuất tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ dạy học, đặc biệt là chất lượng băng đĩa nên được đầu tư và cải thiện để đảm bảo kết quả tốt hơn.

Sau đây là một ý kiến đại diện cho 25,31% ý kiến giảng viên phàn nàn về chất lượng băng đĩa:

Chất lượng audio của bài thi nghe rất cần được cải thiện. Nỗ lực của học viên trong buổi thi nghe hầu như là vô ích khi tiếng quá rè như vậy (GV18).

Bên cạnh đó giảng viên cũng đề xuất cần sử dụng nhiều phần mềm hỗ trợ học tập hơn. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 33,33% ý kiến giảng viên về vấn đề này

CT cần bổ sung thêm cho giảng viên các phần mềm giảng dạy và kiểm tra mức độ cải thiện ngôn ngữ của người học, cũng như thêm các phần mềm tự học để tiếp cận và thuận tiện trong sử dụng (GV19).

Với nhóm ý kiến thứ 10, giảng viên đề xuất cần nâng cao nhận thức của học viên về các khóa bồi dưỡng; cần làm cho GV hiểu rằng thi để xác định chuẩn của cá nhân để có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng phù hợp và nghiêm túc, không phải để so sánh với người khác. Như vậy việc bồi dưỡng mới thật sự hiệu quả. Sau đây là một ý kiến đại diện cho 36,42% ý kiến về vấn đề này:

Cần nâng cao nhận thức của học viên trước khi để họ tham gia vào khóa tập huấn. hầu hết đều không thoải mái khi tham gia vào ĐA NNQG 2020 vì họ không hiểu được tầm quan trọng của việc

nâng cao năng lực, họ bắt buộc phải đi và trong quá trình học tập, họ chỉ lo lắng liệu có qua được hay không vì nếu không qua thì họ sẽ bị điều chuyển công tác hoặc nghỉ việc... hơn nữa, việc đi bồi dưỡng quá tốn kém vì ở nhiều trường mà có GV đi bồi dưỡng không có bất kì chế độ bồi dưỡng nào cho những GV đó. Họ phải tự bỏ tiền túi của mình, phải xa nhà, chịu áp lực từ nhà trường, phòng - sở GD... nên với họ ĐA NNQG 2020 thực sự là nỗi sợ hãi chứ không phải là nhu cầu, trách nhiệm (GV20).

3.3. So sánh đánh giá về CT khung của CTBD NLTA&PM giữa các nhóm giáo viên và giảng viên khác nhau

3.3.1. Những quan điểm giống nhau giữa GV và giảng viên

Phần đánh giá về nội dung CT khung theo các câu hỏi khảo sát thang 5 bậc Likert: Cả giảng viên và giáo viên đánh giá cao nhất ở nội dung *chương trình giúp người học hiểu rõ mục đích, và mục tiêu và nhiệm vụ học tập, mục tiêu chương trình rõ ràng, hợp lí*. Giáo viên thụ hưởng đánh giá cao nhất ở điểm *phản hồi từ các học viên khác là tích cực*. Giảng viên tham gia dạy CTBD đánh giá thấp nhất ở điểm *số chương trình được thiết kế khoa học, hệ thống*. Các tiêu mục khác có sự tương thích khá cao trong quan điểm đánh giá giữa hai nhóm đối tượng. Đây là báo hiệu cho việc cần có những cập nhật, bổ sung thường xuyên về CTBD để đáp ứng nhu cầu của người học.

Phân ý kiến nhận xét và đề xuất về nội dung chương trình khung trong phần trả lời câu hỏi mở: giảng viên và GV đều có những ý kiến nhận xét khá giống nhau về CT khung của CTBD, như: CT có ích và phù hợp; CT khung của CTBD NLTA&PM cần đảm bảo chuẩn đầu ra có thể đạt được; CT khung của CTBD cần bám sát đối tượng, phù hợp với thực tế và nhu cầu của GV; cần bố trí giảng viên tham gia bồi dưỡng phù hợp, tạo điều kiện cho giảng viên, GV được đi nước ngoài trao đổi học hỏi; CT khung của CTBD cần có thời gian thực hiện bồi dưỡng phù hợp tạo điều kiện cho giảng viên và GV hoàn thành tốt mục tiêu khóa học; CT khung của CTBD cần phù hợp với việc thi cử; CT khung của CTBD có các học phần học trực tuyến và nội dung học phù hợp với các nhóm GV khác nhau; cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng bằng đĩa cần đảm bảo để thực hiện tốt việc bồi dưỡng.

3.3.2. Những quan điểm khác nhau giữa các nhóm GV và giảng viên

Đối với các nhóm GV:

Khác biệt giữa các nhóm GV khác nhau về giới tính và về thâm niên không có ý nghĩa thống kê bởi vì tuy trong đánh giá của họ khác nhau về giá trị trung bình, nhưng do chỉ số ý nghĩa sig > 0.05, nên sự khác biệt này chỉ là ngẫu nhiên. Dưới đây là các khác biệt có ý nghĩa khoa học giữa các nhóm GV theo các tiêu chí phân loại khác nhau:

Về tiêu chí bằng cấp của GV đánh giá: học viên có bằng cử nhân đánh giá về nội dung CT cao hơn so với học viên có bằng thạc sĩ (sig < 0.05).

Về tiêu chí vùng công tác của GV đánh giá: vùng Tây Bắc khác Bắc trung Bộ và Đông nam Bộ; Đông bắc bộ khác Đông nam Bộ và Tây nam bộ; Tây Nguyên khác Đông nam Bộ và Tây Bắc với sig < 0.05. GV tham gia bồi dưỡng thuộc các tỉnh Bắc trung bộ có mức độ hài lòng cao nhất, cao hơn GV đến từ các tỉnh Đông nam bộ (vùng có mức đánh giá thấp nhất) 3.1 đơn vị với độ giá trị sig = 0.000 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (2.47 ÷ 3.73). Tiếp sau đó là

các tỉnh Đông Bắc bộ, có mức hài lòng về chương trình khung thấp hơn khu vực có điểm số cao nhất (Bắc trung bộ) 0.8 đơn vị với độ giá trị sig = 0.004 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (0.26 ÷ 1.4), sau đó là các tỉnh vùng Tây Nguyên và Tây Bắc. Đánh giá của GV từ các tỉnh Việt Bắc đứng thứ năm. Như vậy, GV thuộc các tỉnh Bắc bộ và Bắc trung bộ có sự hài lòng nhiều nhất đối với CT khung của CTBD. Vùng có đánh giá thấp nhất vẫn thuộc về các tỉnh Nam bộ.

Về tiêu chí nhóm khu vực sinh sống của GV đánh giá: GV sinh sống tại khu vực 2 nông thôn có mức độ hài lòng về CT khung của CTBD cao hơn so với GV công tác tại khu vực miền núi xa xôi, và GV công tác tại vùng thành thị.

Về tiêu chí nhóm trường bồi dưỡng, Trung tâm EMCO, Trung tâm AMA nhận được mức hài lòng thấp nhất, tiếp đến là Trường ĐH Đồng Nai, Trung tâm VUS, Trung tâm SEAMEO (các giá trị trung bình, mean < 35). Các trường nhận được mức hài lòng cao nhất lần lượt thuộc về Trường ĐH SPKT Hưng Yên, Trường ĐH Vinh, ĐH Huế (các giá trị trung bình, mean > 39), Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐHNH – ĐHQG HN. Các kết quả kiểm định cho thấy hầu hết sự khác biệt về điểm số có ý nghĩa thống kê. Lấy ví dụ về Trường ĐH SPKT Hưng Yên (trường nhận được điểm số đánh giá cao nhất), điểm số hài lòng của GV tham gia bồi dưỡng về khung CT của Trường ĐH SPKT Hưng Yên lần lượt cao hơn một cách có ý nghĩa so với một số trường tham gia bồi dưỡng khác như sau: Cao hơn Trung tâm EMCO (đơn vị có mức đánh giá thấp nhất) 6.17 đơn vị với độ giá trị sig = 0.000 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (4.6 ÷ 7.76); Cao hơn Trung tâm AMA (đơn vị có mức đánh giá thấp thứ hai) 5.6 đơn vị với độ giá trị sig = 0.000 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (3.75 ÷ 7.46); Cao hơn Trường ĐH Đồng Nai 5.31 đơn vị với độ giá trị sig = 0.000 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (3.75 ÷ 6.89); Cao hơn Trung tâm VUS 3.95 đơn vị với độ giá trị sig = 0.000 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (2.42 ÷ 5.49); Cao hơn Trường CĐ Hải Dương 3.85 đơn vị với độ giá trị sig = 0.000 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (2.15 ÷ 5.57); Cao hơn Trường ĐH Đồng Tháp 2.35 đơn vị với độ giá trị sig = 0.021 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (0.36 ÷ 4.36); Cao hơn Trường ĐH Cần Thơ 1.933 đơn vị với độ giá trị sig = 0.014 nằm trong khoảng tin cậy 95% là (0.39 ÷ 3.48).

Đối với các nhóm giảng viên:

Giảng viên của các trường khác nhau cũng có ý kiến đánh giá khác nhau về nội dung CTBD. Theo số liệu điều tra thì giảng viên đang công tác tại ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Tây Nguyên, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH SPKT Hưng Yên đánh giá về nội dung, CTBD tiếng Anh cao nhất (mean > 40). Đánh giá về nội dung CT thấp nhất là Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội (mean < 36). Có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê giữa nhóm giảng viên đang công tác tại các trường khác nhau (sig < 0.05). Chênh lệch về điểm trung bình trong đánh giá giữa nhóm trường có giảng viên đánh giá cao và nhóm trường có giảng viên đánh giá thấp là khá lớn. Không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong ý kiến đánh giá của giảng viên thuộc khác nhóm giới tính, thâm niên, kinh nghiệm, bằng cấp, năm bồi dưỡng khác nhau về nội dung CTBD tiếng Anh.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Về đánh giá chung của hai đối tượng điều tra (GV, giảng viên) đối với CTBD

NLTA&PM và các khía cạnh bên trong của CTBD:

Nhìn chung CTBD NLTA&PM rất tốt, đáp ứng nhu cầu của GV cả nước. Điểm trung bình chung từ cả hai phía (GV, giảng viên) ở mức cao. Trong đó điểm đánh giá cao nhất thuộc về giảng viên tham gia bồi dưỡng.

- Phần đánh giá về nội dung CT khung theo các câu hỏi khảo sát thang 5 bậc Likert: Cả giảng viên và GV đánh giá cao nhất ở nội dung *CT giúp người học hiểu rõ mục đích, và mục tiêu và nhiệm vụ học tập, mục tiêu chương trình rõ ràng, hợp lí*. GV thụ hưởng đánh giá thấp nhất ở điểm *phản hồi từ các học viên khác là tích cực*. Giảng viên tham gia dạy CTBD đánh giá thấp nhất ở điểm số *CT được thiết kế khoa học, hệ thống*. Đây là báo hiệu cho việc cần có những cập nhật, bổ sung thường xuyên về CTBD để đáp ứng nhu cầu của người học.

- Phần ý kiến nhận xét và đề xuất về nội dung CT khung trong câu hỏi mở: giảng viên và GV có những nhóm ý kiến nhận xét và đề xuất chung về CT khung của CTBD sau đây: (1) Không có ý kiến đề xuất gì thêm vì CT có ích và phù hợp; (2) CT khung của CTBD NLTA&PM cần đảm bảo chuẩn đầu ra có thể đạt được; (3) CT khung của CTBD cần bám sát đối tượng, phù hợp với thực tế và nhu cầu của GV; (4) Cần bố trí giảng viên tham gia bồi dưỡng phù hợp, tạo điều kiện cho giảng viên, GV được đi nước ngoài trao đổi học hỏi; (5) CT khung của CTBD cần có thời gian thực hiện bồi dưỡng phù hợp tạo điều kiện cho giảng viên và GV hoàn thành tốt mục tiêu khóa học; (6) CT khung của CTBD cần phù hợp với việc thi cử; (7) CT khung của CTBD có các học phần học trực tuyến và nội dung học phù hợp với các nhóm GV khác nhau; (8) Cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng băng đĩa cần đảm bảo để thực hiện tốt việc bồi dưỡng.

Sự khác nhau trong đánh giá về nội dung CTBD NLTA&PM giữa các nhóm đối tượng điều tra:

- GV tham gia bồi dưỡng của các tỉnh Bắc tTung bộ có sự hài lòng nhiều nhất đối với CT khung của CTBD, tiếp sau đó là GV đến từ vùng Đông Bắc bộ, Tây Nguyên và Tây Bắc; GV từ Miền Nam có tỉ lệ không hài lòng về CTBD cao hơn các vùng khác.

- GV có bằng cử nhân đánh giá về CT khung của CTBD cao hơn so với học viên có bằng thạc sĩ.

- GV sinh sống tại khu vực 2 nông thôn có mức độ hài lòng về CT khung của CTBD cao hơn GV công tác tại khu vực miền núi xa xôi và GV công tác tại vùng thành thị.

- Các trường thuộc nhóm được GV bồi dưỡng đánh giá cao nhất về CT khung của CTBD lần lượt là Trường ĐH SPKT Hưng Yên, Trường ĐH Vinh, ĐH Huế, Trường ĐH Hà Nội, và Trường ĐHNH – ĐHQG HN. Đây cũng là các trường có số lượng học viên tham gia đánh giá đồng hơn các trường khác.

- Các trường trong nhóm được GV bồi dưỡng đánh giá thấp về CT khung của CTBD lần lượt là lần lượt thuộc về Trung tâm AMA, Trường CĐ Hải Dương, Trung tâm EMCO, ĐH Đà Nẵng, Trung tâm VUS, và Trường ĐH Đồng Nai.

4.2. Khuyến nghị

Đối với ĐA NNQG 2020: ĐA NNQG 2020 có thể điều chỉnh lại CT khung, và điều chỉnh về thời gian theo đề xuất của học viên cho hợp lý hơn. ĐA NNQG 2020 có thể yêu cầu

hoặc gợi ý các trường có điểm số đánh giá thấp nên có những khảo sát riêng để tìm hiểu nhu cầu của GV bồi dưỡng tại trường, ví dụ như Trung tâm AMA, Trung tâm EMCO, Trung tâm VUS, Trung tâm SEAMEO, Trường ĐH Đồng Nai.

Đối với các trường ĐH/CĐ tham gia bồi dưỡng: Các trường ĐH, CĐ tham gia bồi dưỡng thường xuyên làm những khảo sát nhỏ để tìm hiểu nhu cầu của GV bồi dưỡng tại trường. Các trường tham gia bồi dưỡng khu vực phía Nam tiến hành khảo sát ý kiến học viên để tìm hiểu nguyện vọng của họ về CTBD, nhất là các trường và trung tâm bồi dưỡng thuộc khu vực phía Nam, cụ thể như Trung tâm AMA, Trung tâm EMCO, Trung tâm VUS, Trung tâm SEAMEO.

Đối với GV (GVTH & THCS): Cần chủ động trong việc cung cấp ý kiến phản hồi về CTBD để trường tham gia bồi dưỡng có đủ thông tin nhằm điều chỉnh cho phù hợp với nguyện vọng của người học. Cần tích cực hơn nữa trong việc gắn kiến thức lý thuyết với thực hành để có chất lượng, hiệu quả dạy học cao hơn, phù hợp với nguyện vọng của học sinh và của lãnh đạo các sở chủ quản.

Tài liệu tham khảo:

- Bachman, L. F. (2004). *Statistical analyses for language assessment*. Cambridge, UK: CUP.
- Byrd, P. (2001). Textbooks: Evaluation for selection and analysis for implementation. In M. C. Murcia (Ed), *Teaching English as a second and foreign language* (pp.415 - 427). New York: Heinle & Heinle.
- Coffey, A. & Atkinson, P. (1996). *Making sense of quantitative data*. London: Sage Publication.
- Cohen, L., Manion, L. & Morrison, K. (2007). *Research methods in education* (6th edition.). London, New York: Routledge. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.3108/beej.10.r1>
- Creswell, J. W. (2005). *Educational research: Planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research* (2nd edition.). Upper Saddle River, NJ: Pearson Education.
- Frazer, L. & Lawley, M. (2000). *Questionnaire design and administration*. Australia: John Wiley & Sons Australia Ltd.
- Fulcher, G. & Davidson, F. (2007). *Language testing and assessment* (an advanced resource book). London and New York: Routledge
- Kiely, R. & Rea-Dickins, P. (2005). *Program evaluation in language education*. New York, USA: PALGRAVE MACMILLAN.
- Nguyễn Việt Hùng (2015). An evaluation of the training program of English proficiency and training-supporting softwares of national foreign language project 2020 for teachers of primary schools and junior high school. *VNU Journal of Science, Education Research*, 31(1), 1-12.
- Trochim, W. M. K. (2005). *Research methods* (The concise knowledge base). Ohio, USA: Atomic Dog Publishing.
- Tucker, P. D. & Stronge, J. H. (2005). *Linking teacher evaluation and students' learning*. VA: Association for supervision and curriculum development.

AN EVALUATION OF THE FRAMEWORK OF THE ENGLISH PROFICIENCY TRAINING PROGRAM AND TEACHING-SUPPORTED SOFTWARE

Abstract: This article is to present the data on the satisfaction of teachers and teacher trainers about the framework of the Training Program of English Competence and Supported Software for Primary and Junior High School Teachers under the National Foreign Languages 2020 Project. Two survey questionnaires including close-ended 5-point Likert scale questions and open-ended questions were used to investigate 5037 teachers of English (teacher trainees), and 180 university teachers (teacher trainers) all over the country. The descriptive results showed that the Training Program responded to teachers' need; however, there existed some teacher trainees and teacher trainers who were not satisfied with the framework of the Training Program and wanted some changes with this Training Program.

Keyword: evaluation, framework, improvement, satisfaction